

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 1642/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 03 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành
nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về
việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23
tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên
thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy
định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục
hành chính;*

Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, UBND xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2502/TTr-SNN, Tờ trình số 2503/TTr-SNN ngày 29 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung 08 quy trình điện tử giải quyết TTHC cấp tỉnh:

- Cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung 08 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính: thủ tục hành chính mã: 1.003650, 1.004915 lĩnh vực thủy sản đã được ban hành tại Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2022. Thủ tục

hành chính mã: 1.004918, 1.004913, 1.004697, 1.004692, 1.004359 lĩnh vực thủy sản đã được ban hành tại *Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020*. Thủ tục hành chính mã: 1.004694 lĩnh vực thủy sản đã được ban hành tại *Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021*.

2. Sửa đổi, bổ sung 01 quy trình điện tử giải quyết TTHC cấp huyện:

- Cấp huyện sửa đổi, bổ sung 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính: thủ tục hành chính mã: 1.004478 lĩnh vực thủy sản đã được ban hành tại *Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021*.

(*Quy trình giải quyết thủ tục hành chính kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung khác tại *Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020*, *Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021*, *Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2022* vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo các quy trình giải quyết thủ tục hành chính nêu trên.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện điều chỉnh nội dung cấu hình quy trình điện tử đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND cấp huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Quyền Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I

**DANH MỤC QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Trang
A. DANH MỤC QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (SỬ ĐỔI, BỔ SUNG)						
LĨNH VỰC THỦY SẢN						
01	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	- Trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	7-8
02	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- Trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	8-8

03	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	8-9
04	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	9-9
05	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	9-10
06	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	06 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm	- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Sửa đổi, bổ sung	10-10

			<i>việc (đối với cấp lại), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</i>	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn		
07	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	<i>06 ngày làm việc</i>	- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	10-11

B. DANH MỤC QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP HUYỆN

1. DANH MỤC QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN

LĨNH VỰC THỦY SẢN

01	1.004478	Công bố mở cảng cá loại 3	<i>06 ngày làm việc</i>	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh	Sửa đổi, bổ sung	11-12
----	----------	---------------------------	-------------------------	--	------------------	-------



Phần II
NỘI DUNG QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 6H2 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

1. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)- (Mã số TTHC 1.004918)

a. Trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ thủy sản	→	Lãnh đạo chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản	11
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục thủy sản	0,5
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

b. Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ thủy sản	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản	01

Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục thủy sản	0,5
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

2. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)- (Mã số TTHC 1.004915)

a. Trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ thủy sản	→	Lãnh đạo chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản	08
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục và Nghiệp vụ thủy sản	0,5
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

b. Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ thủy sản	→	Lãnh đạo chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản	01
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục thủy sản	0,5
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

3. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)- (Mã số TTHC 1.004913)

a. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc.

b. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ thủy sản	→	Lãnh đạo chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản	8
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục thủy sản	0,5
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

4. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá (Mã số TTHC 1.004697)

a. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc.

b. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ thủy sản	→	Lãnh đạo chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản	08
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục thủy sản	0,5
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

5. Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (Mã số TTHC 1.004692)

a. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

b. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ thủy sản	→	Lãnh đạo chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản	5
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục thủy sản	0,5
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

6. Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (Mã số TTHC 1.004359)

a. Thời hạn giải quyết: 03 - 06 ngày làm việc.

b. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ thủy sản	→	Lãnh đạo chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản	- Cấp mới 04 ngày làm việc; - Cấp lại 01 ngày làm việc
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục thủy sản	0,5
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

7. Công bố mở cảng cá loại 2 (Mã số TTHC 1.004694)

a. Thời hạn giải quyết: 6 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,3
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản - Chi cục Thủy sản	0,3
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,3
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	0,3
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,3
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	UBND tỉnh (Xin ý kiến + Văn phòng UBND tỉnh xử lý)	4
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25

**II. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC THỦY SẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN**

1. Công bố mở cảng cá loại 3 (Mã TTHC: 1.004478)

a. Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc.

b. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền	→	Lãnh đạo UBND Huyện	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Các phòng Nông nghiệp/ Kinh tế thuộc UBND cấp huyện	04
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo	→	Lãnh đạo UBND Huyện	0,5
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh	0,5



Phần II
NỘI DUNG QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 1642 ngày 03/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH
VỰC THỦY SẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA CẤP TỈNH

1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (Mã số TTHC 1.003650)

a. Thời hạn giải quyết: 3 ngày làm việc.

b. Lưu đồ giải quyết

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ thủy sản	→	Lãnh đạo chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản	01
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục thủy sản	0,5
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5